dēng

灯

lamp

Common Words

tái dēng	dēng zhù	diào dēng
台 灯	灯 柱	吊 灯
desk lamp	lamp post	chandelier; hanging lamp
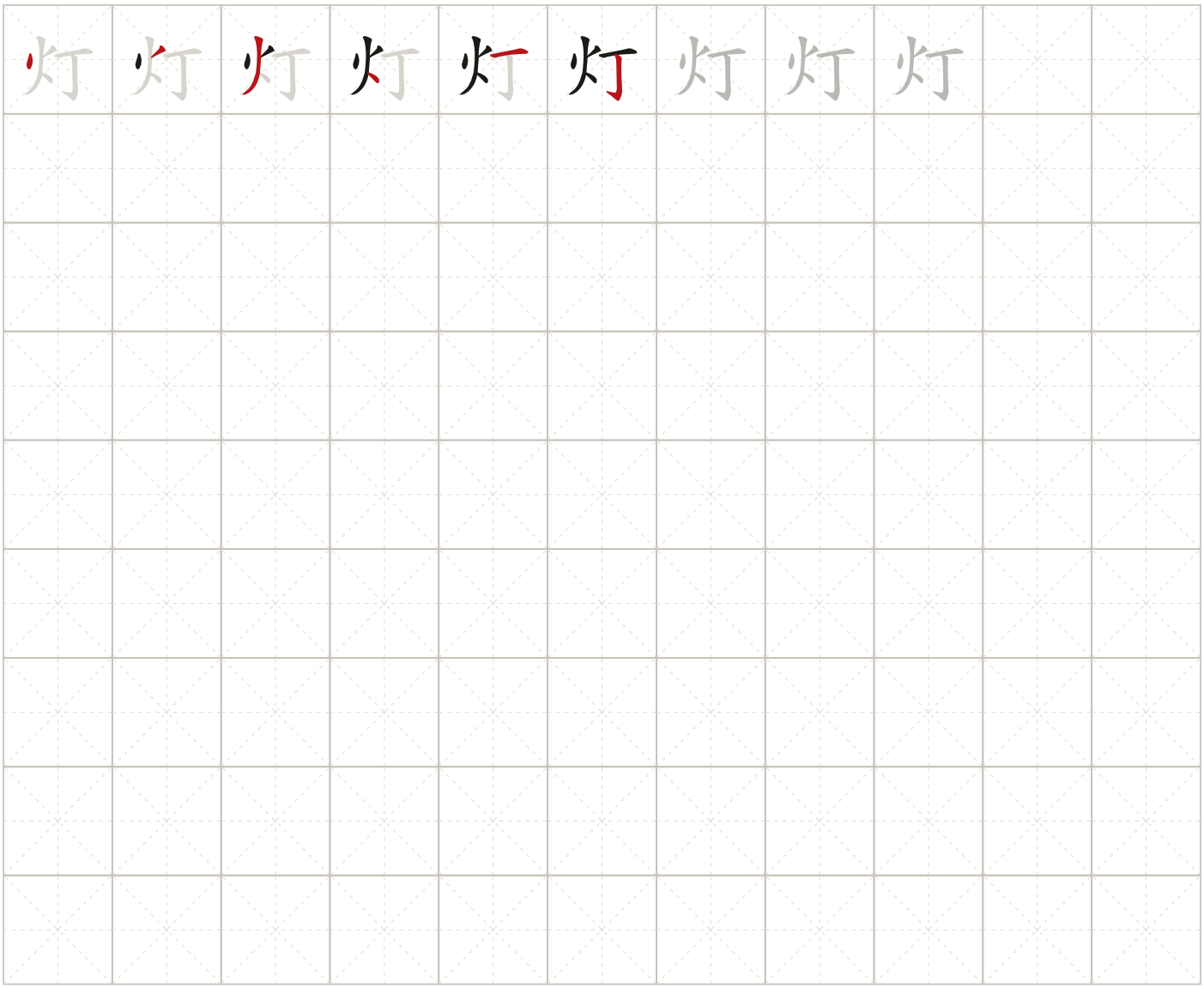
Trace each stroke, then write the character on your own.